

**4. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt vào ngân sách nhà nước tại nơi sản xuất, kinh doanh.

Thời hạn nộp thuế hàng tháng chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo;”

**5. Bổ sung khoản 4 vào Điều 11 như sau:**

“4. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục kê khai, nộp thuế phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh trước pháp luật, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan thuế, bảo đảm quản lý thu thuế chặt chẽ, có hiệu quả.”

**6. Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Thông báo số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế do Chính phủ quy định, đơn đốc đối tượng nộp thuế nộp đúng thời hạn; nếu quá thời hạn nộp thuế mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thì thông báo về số thuế phải nộp và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật này; nếu đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt theo thông báo thì có quyền áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt; nếu đã thực hiện các biện pháp xử lý nói trên mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt thì chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.”

**7. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 15 như sau:**

“đ) Kê khai giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn 10% giá bán trên thị trường của hàng hóa, dịch vụ đó.”

**8. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 16. Những trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Cơ sở sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

2. Cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô được giảm mức thuế suất theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này như sau:

- Năm 2004 giảm 70%.
- Năm 2005 giảm 50%.
- Năm 2006 giảm 30%.
- Từ năm 2007 nộp đúng thuế suất quy định.

Chính phủ quy định cụ thể việc giảm thuế, miễn thuế quy định tại Điều này.”

**Điều 2.** Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

**Điều 3.** Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003./.

Chủ tịch Quốc hội

NGUYỄN VĂN AN

**LỆNH của Chủ tịch nước số 18/2003/L-CTN ngày 26/6/2003 về việc công bố Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.**

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến

pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 50 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

### NAY CÔNG BỐ:

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003./.

Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

## LUẬT Thuế thu nhập doanh nghiệp

(số 09/2003/QH11 ngày 17/6/2003).

Để góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và động viên một phần thu nhập vào ngân sách nhà nước; bảo đảm sự đóng góp công bằng, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định thuế thu nhập doanh nghiệp,

### Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (dưới đây gọi chung là cơ sở kinh doanh) có thu nhập đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ đối tượng quy định tại Điều 2 của Luật này.

**Điều 2.** Đối tượng không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ hộ gia đình và cá nhân nông dân sản xuất hàng hóa lớn có thu nhập cao theo quy định của Chính phủ.

**Điều 3.** Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ* bao gồm: doanh nghiệp nhà nước; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; công ty hợp danh; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; công ty nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; tổ hợp tác; tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. *Cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ* bao gồm: hộ cá thể và nhóm kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông